TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 01

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100001	Phan Hoàng Kiều Ái	19/07/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
2	100002	Cao Nguyễn Hoài An	07/03/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
3	100003	Huỳnh Ngọc Bình An	25/03/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
4	100004	Lưu Thiên An	01/11/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
5	100005	Mai Thiên An	08/03/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
6	100006	Nguyễn Gia Bảo An	29/05/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
7	100007	Trịnh Mỹ An	20/10/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
8	100008	Võ Hoài An	24/07/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
9	100009	Lê Hải Anh	05/08/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
10	100010	Lê Nhật Anh	14/05/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
11	100011	Lưu Nguyễn Quỳnh Anh	07/11/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
12	100012	Mai Phương Anh	29/08/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
13	100013	Nguyễn Ngọc Trâm Anh	23/06/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
14	100014	Nguyễn Phạm Hoài Anh	18/12/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
15	100015	Nguyễn Tuấn Anh	15/07/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
16	100016	Trần Quỳnh Anh	11/05/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
17	100017	Trần Thiên Anh	19/12/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
18	100018	Trịnh Hồng Anh	26/12/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
19	100019	Hà Duy Bách	04/09/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
20	100020	Nguyễn Hoàng Bách	01/05/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
21	100021	Nguyễn Hoàng Bảo	21/04/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
22	100022	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	10/04/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
23	100023	Trần Gia Bảo	23/12/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
24	100024	Võ Nguyễn Gia Bảo	01/11/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X

25	100025	Nguyễn Triển Bằng	14/02/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
26	100026	Nguyễn Đặng Bảo Bình	28/10/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
27	100027	Nguyễn Thái Bình	05/09/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
28	100028	Phan Khả Bình	01/09/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
29	100029	Phan Thị Thanh Bình	09/06/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
30	100030	Diệp Quý Châu	02/05/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
31	100031	Trần Quỳnh Chi	30/07/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
32	100032	Nguyễn Đỗ Tiến Cường	29/09/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
33	100033	Nguyễn Thành Danh	05/04/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
34	100034	Nguyễn Hồng Diễm	09/09/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
Số lượng					***30***	***31***	***30***	***32***	***20***	***17***	***29***	***7***	***13***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 02

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100035	Trần Bảo Diệp	20/03/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
2	100036	Nguyễn Hoàng Dung	09/02/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
3	100037	Nguyễn Lân Dũng	06/06/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
4	100038	Nguyễn Bảo Duy	04/05/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
5	100039	Nguyễn Lê Duy	22/07/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
6	100040	Nguyễn Ngọc Duyên	03/02/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
7	100041	Hồ Trần Nam Dương	17/04/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
8	100042	Huỳnh Hải Dương	25/03/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
9	100043	Nguyễn Ngọc Hải Dương	10/03/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
10	100044	Trần Vĩnh Thùy Dương	23/11/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
11	100045	Đỗ Trần Minh Đạo	31/07/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
12	100046	Bùi Gia Đạt	21/02/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
13	100047	Nguyễn Tấn Đạt	04/08/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
14	100048	Nguyễn Thành Đạt	26/07/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
15	100049	Nguyễn Trọng Khoa Đăng	30/05/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
16	100050	Nguyễn Linh Giang	10/06/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
17	100051	Trần Võ Trà Giang	07/05/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
18	100052	Bùi Khánh Hà	01/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
19	100053	Đặng Vũ Ngọc Hà	30/04/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
20	100054	Nguyễn Trần Ngân Hà	05/05/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
21	100055	Võ Thị Thu Hà	19/11/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
22	100056	Phạm Hoàng Hải	14/05/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
23	100057	Dương Gia Hân	01/01/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
24	100058	Đặng Cao Gia Hân	09/01/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			

25	100059	Hồ Gia Hân	03/07/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
26	100060	Hồ Gia Hân	07/11/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
27	100061	Nguyễn Lê Ngọc Hân	21/11/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
28	100062	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	28/06/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
29	100063	Nguyễn Phạm Bảo Hân	12/07/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
30	100064	Phạm Hà Gia Hân	14/06/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
31	100065	Trần Ngọc Gia Hân	18/06/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
32	100066	Văn Diệp Hân	12/09/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
33	100067	Phan Ngọc Khánh Hiền	13/07/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
34	100068	Hồ Đức Hiện	01/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
Số lượng					***32***	***29***	***31***	***28***	***25***	***21***	***26***	***7***	***11***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 03

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100069	Đỗ Nguyễn Trung Hiếu	15/04/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
2	100070	Nguyễn Lê Hiếu	31/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
3	100071	Nguyễn Minh Hiếu	28/07/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
4	100072	Nguyễn Trung Hiếu	01/01/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
5	100073	Trần Minh Hiếu	18/09/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
6	100074	Võ Bảo Hiếu	02/05/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
7	100075	Lê Đào Như Hoa	13/11/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
8	100076	Mai Minh Hoàng	21/07/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
9	100077	Nguyễn Trần Bảo Hoàng	08/08/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
10	100078	Phan Ngọc Nguyễn Hoàng	10/07/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
11	100079	Bùi Kha Huy	21/06/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
12	100080	Bùi Nguyễn Gia Huy	13/03/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
13	100081	Đoàn Ngọc Gia Huy	21/11/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
14	100082	Huỳnh Nguyễn Gia Huy	21/08/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
15	100083	Huỳnh Nhật Huy	06/03/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
16	100084	Nguyễn Hoàng Huy	27/09/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
17	100085	Nguyễn Nhật Huy	28/09/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
18	100086	Nguyễn Trần Khánh Huy	08/08/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
19	100087	Trần Quang Huy	24/11/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
20	100088	Nguyễn Minh Huyền	28/02/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
21	100089	Lê Công Hưng	12/10/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
22	100090	Nguyễn Khánh Hưng	09/07/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
23	100091	Nguyễn Thành Hưng	01/11/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
24	100092	Đặng Gia Hưởng	14/10/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		

25	100093	Nguyễn Công Kha	26/04/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
26	100094	Đào Thanh Khải	11/08/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
27	100095	Từ Gia Khải	29/08/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
28	100096	Đinh Trọng Khang	21/10/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
29	100097	Nguyễn Gia Khang	28/05/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
30	100098	Nguyễn Phúc Bảo Khang	28/06/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
31	100099	Nguyễn Trọng Khang	09/07/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
32	100100	Phạm Bảo Khang	09/04/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
33	100101	Trần Thái Minh Khang	31/01/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
34	100102	Võ Nguyễn Duy Khang	11/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
Số lượng					***34***	***33***	***32***	***26***	***29***	***14***	***28***	***1***	***14***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 04

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100103	Bùi Duy Khánh	04/12/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
2	100104	Đỗ An Khánh	03/07/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
3	100105	Hồ Ngọc Khánh	08/07/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
4	100106	Lê Ngân Khánh	10/05/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
5	100107	Lê Vân Khánh	29/03/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
6	100108	Nguyễn Ngọc Kim Khánh	24/12/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
7	100109	Phan Nguyễn Kim Khánh	17/04/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
8	100110	Trần Minh Khánh	22/03/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
9	100111	Trần Như Gia Khánh	10/05/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
10	100112	Trịnh Quốc Khánh	02/09/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
11	100113	Phạm Gia Khiêm	05/12/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
12	100114	Nguyễn Đăng Khoa	19/04/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
13	100115	Nguyễn Lê Đăng Khoa	21/09/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
14	100116	Phạm Trần Đăng Khoa	20/06/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
15	100117	Lê Mai Khôi	01/03/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
16	100118	Nguyễn Anh Khôi	27/02/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
17	100119	Phan Ngọc Khôi	16/06/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
18	100120	Hồ Trí Khương	20/06/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
19	100121	Nguyễn Trí Kiên	15/09/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
20	100122	Tân Huy Kiên	02/11/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
21	100123	Võ Tuấn Kiệt	27/09/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
22	100124	Nguyễn Quốc Kỳ	20/02/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
23	100125	Lê Nguyễn Hoàng Lam	13/10/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
24	100126	Nguyễn Phạm Hoàng Lam	14/08/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	

25	100127	Chu Ngọc Hương Lan	09/12/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
26	100128	Nguyễn Đặng Tùng Lâm	23/05/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
27	100129	Nguyễn Lê Ngọc Lâm	17/08/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
28	100130	Bùi Nguyễn Thảo Linh	09/04/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
29	100131	Dương Thị Mỹ Linh	17/03/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
30	100132	Đặng Thùy Linh	23/05/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
31	100133	Huỳnh Nguyễn Phương Linh	11/08/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
32	100134	Nguyễn Cao Khánh Linh	06/10/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
33	100135	Nguyễn Ngọc Diệu Linh	27/12/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
34	100136	Nguyễn Thị Mỹ Linh	21/11/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
Số lượng					***27***	***31***	***31***	***32***	***21***	***25***	***27***	***10***	***8***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 05

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100137	Nguyễn Thuỳ Linh	08/01/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
2	100138	Nguyễn Xuân Phương Linh	15/02/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
3	100139	Phạm Khánh Linh	25/01/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
4	100140	Phạm Khánh Linh	16/03/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
5	100141	Trần Hà Linh	16/06/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
6	100142	Trịnh Nhật Linh	01/03/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
7	100143	Hồ Vũ Phi Long	01/10/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
8	100144	Thái Hoàng Long	07/03/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
9	100145	Trần Hoàng Long	30/03/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
10	100146	Trần Minh Long	15/01/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
11	100147	Trần Phan Anh Lộc	20/03/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
12	100148	Lê Công Hoàng Lợi	17/04/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
13	100149	Trương Triệu Mẫn	20/05/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
14	100150	Lê Uyên Minh	07/10/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
15	100151	Lê Văn Minh	12/08/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
16	100152	Nguyễn Trần Tuấn Minh	07/11/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
17	100153	Tô Cường Nhật Minh	28/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
18	100154	Trần Quang Minh	04/03/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
19	100155	Nguyễn Hoàng Hà My	11/02/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
20	100156	Nguyễn Huỳnh Hà My	14/08/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
21	100157	Nguyễn Thảo My	19/11/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
22	100158	Nguyễn Trần Thảo My	16/11/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
23	100159	Tô Hà My	26/12/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
24	100160	Lê Khánh Nam	22/01/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X

25	100161	Lê Thành Nam	10/06/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
26	100162	Phan Nhật Nam	08/05/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
27	100163	Triệu Thái Kỳ Nam	13/02/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
28	100164	Doãn Nguyễn Hằng Nga	19/05/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
29	100165	Nguyễn Đặng Quỳnh Nga	14/07/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
30	100166	Nguyễn Thúy Nga	28/11/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
31	100167	Cao Bá Bảo Ngân	16/11/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
32	100168	Lê Hoàng Bảo Ngân	28/01/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
33	100169	Lê Phan Bảo Ngân	04/06/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
34	100170	Lê Thị Kim Ngân	31/03/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
Số lượng					***31***	***29***	***29***	***31***	***21***	***19***	***30***	***8***	***13***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 06

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100171	Nguyễn Khánh Ngân	27/10/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
2	100172	Nguyễn Nhật Khánh Ngân	16/07/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
3	100173	Phạm Ngọc Khánh Ngân	01/03/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
4	100174	Huỳnh Thái Nghi	01/11/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
5	100175	Nguyễn Chi Xuân Nghi	27/02/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
6	100176	Nguyễn Thái Bảo Nghi	12/10/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
7	100177	Đặng Thị Bảo Ngọc	03/01/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
8	100178	Hồ Phan Bảo Ngọc	26/09/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
9	100179	Huỳnh Khánh Ngọc	20/08/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
10	100180	Nguyễn Châu Hồng Ngọc	16/09/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
11	100181	Nguyễn Hoàng Khánh Ngọc	29/10/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
12	100182	Nguyễn Thị Như Ngọc	31/05/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
13	100183	Trần Minh Ngọc	08/02/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
14	100184	Đặng An Nguyên	12/09/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
15	100185	Đặng Vũ Anh Nguyên	24/05/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
16	100186	Hà Vĩnh Nguyên	15/05/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
17	100187	Hồ Bình Nguyên	28/03/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
18	100188	Nguyễn Đức Nguyên	28/01/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
19	100189	Phan Hoàng Hạ Nguyên	06/08/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
20	100190	Phùng Ánh Nguyệt	15/05/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
21	100191	Đinh Quốc Nhân	13/05/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
22	100192	Lê Thành Nhân	08/05/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
23	100193	Nguyễn Thanh Trọng Nhân	02/04/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
24	100194	Nguyễn Long Nhật	21/07/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X

25	100195	Nguyễn Phúc Xuân Nhi	20/07/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
26	100196	Nguyễn Thanh Nhi	20/03/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
27	100197	Nguyễn Trần Băng Nhi	08/03/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
28	100198	Phạm Nguyễn Phương Nhi	23/11/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
29	100199	Tô Ngọc Yến Nhi	15/07/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
30	100200	Lê Hạo Nhiên	02/03/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
31	100201	Phạm Trần An Nhiên	27/06/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
32	100202	Nguyễn Huỳnh Như	24/03/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
33	100203	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như	23/12/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
34	100204	Trần Nguyễn Quỳnh Như	16/04/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
Số lượng					***30***	***29***	***31***	***33***	***22***	***23***	***29***	***9***	***7***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 07

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100205	Trần Quỳnh Như	30/08/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
2	100206	Đỗ Tấn Phát	22/08/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
3	100207	Nguyễn Đăng Phát	27/01/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
4	100208	Nguyễn Ngọc Phát	20/10/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
5	100209	Nguyễn Tấn Phát	05/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
6	100210	Thái Thuận Phát	22/02/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
7	100211	Nguyễn Bá Phong	31/05/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
8	100212	Trần Thanh Phong	25/06/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
9	100213	Bạch Đình Gia Phú	27/07/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
10	100214	Bùi Gia Phú	04/05/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
11	100215	Nguyễn Thanh Phú	02/08/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
12	100216	Phan Trần Tuấn Phú	14/02/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
13	100217	Tôn Thất Gia Phú	31/01/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
14	100218	Tống Nguyễn Thiên Phúc	24/11/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
15	100219	Trần Đình Phúc	14/03/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
16	100220	Trần Gia Phúc	01/11/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
17	100221	Trần Minh Phúc	21/05/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
18	100222	Nguyễn Gia Phước	24/07/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
19	100223	Phạm Thiên Phước	19/01/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
20	100224	Phan Hữu Phước	11/09/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
21	100225	Lê Hà Phương	25/08/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
22	100226	Phan Nguyễn Huyền Phương	24/11/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
23	100227	Phan Trương Nhã Phương	14/09/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
24	100228	Nguyễn Ngọc Quang	29/06/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			

25	100229	Trần Nguyễn Đăng Quang	02/04/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
26	100230	Nguyễn Minh Quân	10/03/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
27	100231	Nguyễn Minh Quân	12/01/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
28	100232	Ngô Kim Quy	07/09/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
29	100233	Lê Đoàn Phương Quyên	31/01/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
30	100234	Nguyễn Hà Quyên	30/07/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
31	100235	Nguyễn Tú Quyên	29/03/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
32	100236	Đào Nguyễn Trúc Quỳnh	10/02/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
33	100237	Khổng Tú Quỳnh	11/11/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
34	100238	Nguyễn Như Quỳnh	26/04/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
Số lượng					***32***	***31***	***30***	***32***	***24***	***19***	***24***	***5***	***11***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 08

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100239	Nguyễn Trúc Quỳnh	12/09/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
2	100240	Trần Hương Quỳnh	26/04/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
3	100241	Trần Trương Thanh Quỳnh	18/10/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
4	100242	Nguyễn Ngọc Hồng Sâm	21/06/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
5	100243	Trần Nam Sơn	01/09/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
6	100244	Nguyễn Đức Tài	27/07/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
7	100245	Lê Đoàn Mỹ Tâm	10/05/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
8	100246	Mai Quỳnh Hảo Tâm	09/08/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
9	100247	Trần Nguyễn Bảo Thạch	26/02/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
10	100248	Mai Hồng Thanh	29/03/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
11	100249	Nguyễn Hoàng Thanh	26/07/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
12	100250	Trình Vĩnh Thanh	30/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
13	100251	Trịnh Như Thanh	24/01/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
14	100252	Lê Minh Thành	23/11/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
15	100253	Nguyễn Phương Thảo	07/07/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
16	100254	Nguyễn Phương Thảo	08/06/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
17	100255	Phạm Phương Thảo	10/02/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
18	100256	Phạm Thị Phương Thảo	04/05/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
19	100257	Đào Quốc Thắng	06/01/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
20	100258	Lê Trọng Quyết Thắng	23/09/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
21	100259	Nguyễn Tùng Thắng	28/10/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
22	100260	Đinh Thế Thịnh	27/07/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
23	100261	Ngô Phúc Thịnh	28/01/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
24	100262	Nguyễn An Thịnh	25/10/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	

25	100263	Nguyễn Dương Thịnh	26/11/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
26	100264	Võ Trường Thịnh	11/05/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
27	100265	Phạm Minh Thông	03/10/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
28	100266	Lê Thị Nguyên Thơ	11/02/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
29	100267	Văn Ngọc Thuận	19/08/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
30	100268	Nguyễn Phương Thuỳ	13/07/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
31	100269	Mai Ngọc Thùy	07/01/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
32	100270	Phạm Cát Ngân Thủy	16/03/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
33	100271	Nguyễn Phùng Thanh Thúy	02/02/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
34	100272	Đồng Nguyễn Anh Thư	15/03/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
Số lượng					***33***	***30***	***29***	***27***	***27***	***18***	***26***	***5***	***14***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 09

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100273	Lê Nguyễn Anh Thư	27/08/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
2	100274	Mai Yến Thư	23/11/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
3	100275	Ngô Phạm Anh Thư	13/04/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
4	100276	Nguyễn Hoàng Anh Thư	27/02/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
5	100277	Nguyễn Minh Thư	19/12/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
6	100278	Nguyễn Thị Anh Thư	06/06/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
7	100279	Trần Lê Anh Thư	18/03/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
8	100280	Trần Vũ Minh Thư	29/04/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
9	100281	Trương Hoài Song Thư	18/06/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
10	100282	Lê Minh Thương	05/06/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
11	100283	Nguyễn Ngọc Minh Thương	03/11/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
12	100284	Lê Trương Kha Thy	26/06/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
13	100285	Nguyễn Khánh Thy	06/01/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
14	100286	Nguyễn Tỵ Thùy Tiên	05/01/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
15	100287	Trần Hà Tiên	28/05/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
16	100288	Nguyễn Lê Anh Tiến	23/09/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
17	100289	Nguyễn Hữu Tín	20/03/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
18	100290	Trần Đình Tín	25/10/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
19	100291	Dương Ngọc Minh Toàn	11/04/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
20	100292	Nguyễn Văn Phước Toàn	20/05/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
21	100293	Trần Trí Toàn	17/04/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
22	100294	Ngô Lê Uyên Trang	11/12/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
23	100295	Nguyễn Khánh Trâm	08/10/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
24	100296	Hồ Phan Nhã Trân	04/06/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		

25	100297	Lê Bảo Trân	23/05/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
26	100298	Nguyễn Bảo Trân	28/04/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
27	100299	Nguyễn Hoàng Bảo Trân	05/08/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
28	100300	Phan Ngọc Bảo Trân	03/07/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
29	100301	Trương Trần Thúy Trân	05/04/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
30	100302	Đinh Công Hữu Trí	15/08/2011	10 TOÁN	X	X	X		X		X		X
31	100303	Lâm Minh Trí	02/03/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
32	100304	Nguyễn Đình Trí	09/01/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
33	100305	Nguyễn Đức Trí	11/07/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
34	100306	Nguyễn Minh Trí	27/07/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
35	100307	Trần Nhật Trí	28/10/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
Số lượng					***31***	***33***	***34***	***31***	***27***	***26***	***24***	***6***	***7***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà

TRƯỜNG THPT CHUYÊN LÊ QUÝ ĐÔN

KIỂM TRA GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2026-2027

Khóa ngày: 02/11/2026

DANH SÁCH HỌC SINH - KHỐI 10

Phòng: 10

STT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Lớp	Môn kiểm tra								
					Ngữ văn	Lịch sử	Vật lí	Toán	Hóa học	GDKT& PL	Tiếng Anh	Địa lí	Sinh học
1	100308	Trần Viết Minh Trí	04/07/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
2	100309	Lê Nguyễn Minh Triết	14/02/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
3	100310	Nguyễn Quốc Triệu	11/02/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
4	100311	Võ Lê Vĩnh Trinh	15/12/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
5	100312	Bùi Hoàng Anh Trúc	30/01/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
6	100313	Lê Phạm Thanh Trúc	31/08/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
7	100314	Nguyễn Ngọc Thanh Trúc	12/11/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
8	100315	Lê Nhật Trung	22/01/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
9	100316	Nguyễn Đặng Thanh Trực	02/05/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
10	100317	Phạm Lê Quang Trường	08/08/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
11	100318	Nguyễn Quốc Tuấn	14/07/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
12	100319	Hoàng Tùng	13/02/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
13	100320	Nguyễn Quốc Tường	22/07/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
14	100321	Cao Nguyễn Thái Uyên	23/04/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
15	100322	Nguyễn Đình Nhật Uyên	08/03/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
16	100323	Nguyễn Ngọc Hạ Uyên	13/06/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
17	100324	Nguyễn Ngọc Nhã Uyên	06/05/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
18	100325	Nguyễn Võ Nhật Uyên	17/04/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			
19	100326	Trần Lý Nhã Uyên	15/01/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
20	100327	Trần Vỹ Nhã Uyên	10/06/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
21	100328	Phạm Kiến Văn	05/02/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
22	100329	Nguyễn Thảo Vi	14/04/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
23	100330	Đinh Khôi Vĩ	04/01/2011	10 ANH 1	X	X	X	X	X	X			
24	100331	Nguyễn Hoàng Việt	21/01/2011	10 ANH 2	X	X	X	X	X	X			

25	100332	Nguyễn Ngọc Việt	24/10/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
26	100333	Nguyễn Quốc Việt	29/04/2011	10 SINH	X	X	X	X	X	X	X		
27	100334	Trần Nam Việt	30/04/2011	10 HÓA	X	X	X	X			X		X
28	100335	Trần Nguyên Vũ	05/05/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
29	100336	Trần Chế Vương	01/01/2011	10 LÍ	X	X		X	X		X		X
30	100337	Nguyễn Nguyên Thảo Vy	25/06/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
31	100338	Trần Bảo Vy	02/02/2011	10 TIN	X	X	X	X	X		X		
32	100339	Trần Đoàn Hạ Vy	11/01/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
33	100340	Trương Triệu Vy	09/06/2011	10 ĐỊA	X	X	X	X	X	X	X		
34	100341	Võ Tường Vy	19/01/2011	10 SỬ	X		X	X		X	X	X	
35	100342	Bùi Lê Hoàng Yến	16/03/2011	10 VĂN		X	X	X		X	X	X	
Số lượng					***27***	***31***	***30***	***35***	***21***	***24***	***29***	***12***	***7***

Quy Nhơn, ngày 28 tháng 10 năm 2026

KT.HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

Phan Văn Hà